

Bản án số: 145/2019/HS-ST

Ngày: 01-8-2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Mai Hoàn Đông** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn ThA T** (tên gọi khác: T1), sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B8B/24 tổ 18 ấp 2A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1943 – chết) và bà Dương Thị H (sinh năm 1946); có vợ tên Võ Thị Ánh N (sinh năm 1980); có 02 người con sinh năm 2004 và 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lý Ví T3** (tên gọi khác: S hay X), sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 220/71 đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: B4/30 ấp 2, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá 00/12; dân tộc: Hoa; giới

tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Bá H1 (sinh năm 1933 – chết) và bà Đoàn M (sinh năm 1937-chết); có vợ tên Võ Thị S1 (sinh năm 1974); có 02 người con sinh năm 1996 và 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Thị ThA N**, sinh năm 1972 tại Thừa Thiên Huế

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có; nơi cư trú: Nhà không số tổ 15, ấp 2A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ may; trình độ văn hoá: tự học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H2 (sinh năm 1952-chết) và bà Lê Thị H3 (sinh năm 1952); có chồng tên Hồ Đăng Phong (sinh năm 1970); có 01 người con sinh năm 1994; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị ThA H4**, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2/19 Đường F, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1955 – chết) và bà Lê Thị H5 (sinh năm 1958); có chồng tên Nguyễn Thành S3 (sinh năm 1981); có 01 người con sinh năm 2001; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lý Thị Kim A**, sinh năm 1946 tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp I, xã J, huyện K, tỉnh Long An; Nơi cư trú: B8/19 tổ 15, ấp 2A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hoá 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn K (sinh năm 1920-chết) và bà Hồ Thị T4 (sinh năm 1921); có chồng tên Trần Hữu D (sinh năm 1946-chết); có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1970, con nhỏ nhất sinh năm 1982; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trương Thị Kim C**, sinh năm 1971 tại tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 102/29 Đường L, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 162/12 Đường O, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương K1 (sinh năm 1930) và bà Nguyễn Thị H5 (sinh năm 1947); có chồng tên vợ tên Hồ Đăng Tr (sinh năm 1973); có 02 người con sinh năm 2000 và 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 55 phút ngày 02/01/2019, tại trước nhà B8/16 tổ 15 ấp 2A xã A, huyện B, Công an xã A, huyện B kiểm tra, phát hiện Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Phan Thị H4, Trương Thị Kim C đang có hành vi đánh bài cào 6 lá ăn tiền, thu giữ trên chiếu bạc tiền dùng để đánh bạc của các con bạc là 15.330.000 đồng nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã làm rõ được như sau: Từ tháng 10/2018, có một số đối tượng tụ tập đánh bài ăn tiền trước nhà Lại Thu N1 tại địa chỉ B8/16 tổ 15 ấp 2A xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4 thấy nên đã đến tham gia.

Khoảng 15 giờ ngày 02/01/2019, T3 đến trước nhà N1 tham gia đánh bài cào 6 lá Ăn Độ ăn tiền, theo hình thức các con bạc đặt tụ (từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng/01 ván) và ăn thua trực tiếp với nhà cái, T3 tham gia làm cái. Một lúc sau thì T, N, H4, A, H6 và C cũng đến tham gia. Sau khi làm cái 03 ván, T3 thua nên không làm cái nữa mà chuyển sang tham gia đặt tụ. Lúc này, T mua 02 bộ bài (loại bài 52 lá) của N1 với giá 10.000 đồng/bộ và tham gia làm cái. Đến khoảng 15 giờ 55 phút cùng ngày, khi T đang làm cái, các con bạc gồm: T3, N, H4, A, H6, C và một số người khác (Chưa rõ lai lịch) tham gia đặt tụ thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang. Các con bạc tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

1/ Nguyễn ThA T: Mang theo 8.000.000 đồng, sử dụng 2.500.000 đồng vào việc đánh bạc, chỉ tham gia làm cái; Sau khi làm cái được khoảng 10 ván thì ăn được 2.100.000 đồng. Khi T đang chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 10.100.000 đồng, trong đó có 4.600.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

2/ Lý Ví T3: Mang theo 9.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, làm cái 03 ván, còn lại tham gia đặt tụ; Quá trình làm cái và đặt tụ bị thua hết 1.800.000 đồng. Khi T3 vừa lấy số tiền 400.000 đồng (200.000 đồng đặt tụ và 200.000 đồng vừa thắng bài do T C) thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 7.000.000 đồng và 400.000 đồng trên chiếu bạc.

3/ Lê Thị ThA N: Mang theo 37.000.000 đồng, sử dụng 7.000.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia đặt tụ; Quá trình đặt tụ bị thua hết 1.000.000 đồng. Khi N đang chuẩn bị đặt tụ tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 36.000.000 đồng, trong đó có 6.000.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

4/ Nguyễn Thị ThA H4: Mang theo 4.600.000 đồng, sử dụng 1.800.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia đặt tụ; Quá trình đặt tụ thua hết 200.000

đồng. Khi H4 đang chuẩn bị đặt tù tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 4.400.000 đồng, trong đó có 1.600.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

5/ Lý Thị Kim A: Mang theo 2.500.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia đặt tù; Quá trình đặt tù ăn được 200.000 đồng. Khi A đang chuẩn bị đặt tù tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 2.700.000 đồng, trong đó có 1.700.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

6/ Phan Thị H6: Mang theo 1.906.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia đặt tù (hùn với 01 thA niên chưa rõ lai lịch); Quá trình đặt tù ăn được 450.000 đồng. Khi H6 đang chuẩn bị đặt tù tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 2.356.000 đồng, trong đó có 750.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

7/ Trương Thị Kim C: Mang theo 2.180.000 đồng, sử dụng hết vào việc đánh bạc, tham gia đặt tù; Quá trình đặt tù thua hết 2.000.000 đồng. Khi C đang chuẩn bị đặt tù tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 180.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

Ngoài ra còn có một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) tham gia đánh bạc nhưng đã bỏ chạy thoát.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, T, T3, N, H4, A, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên

Về vật chứng vụ án:

1/ 14 bộ bài tây 52 lá.

2/ Số tiền dùng để đánh bạc là 15.330.000 đồng (gồm: 500.000 đồng thu tại chiếu bạc, đã bao gồm cả 400.000 đồng của bị can T3; thu của T: 4.600.000 đồng; thu của N: 6.000.000 đồng; thu của H4: 1.600.000 đồng; thu của A: 1.700.000 đồng; thu của H6: 750.000 đồng; thu của C: 180.000 đồng).

3/ Thu trong người các con bạc và không dùng để đánh bạc: T: 5.500.000 đồng, T3: 7.000.000 đồng, N: 30.000.000 đồng, H4: 2.800.000 đồng, A: 1.000.000 đồng, H6: 1.606.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt các bị cáo như sau:

- Nguyễn ThA T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.
- Lý Ví T3 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.
- Lê Thị ThA N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.
- Nguyễn Thị ThA H4 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.
- Lý Thị Kim A từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Trương Thị Kim C từ 09 tháng đến 12 tháng tù.
- Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lý Thị Kim A

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an xã A, huyện B lập lúc 16 giờ 10 phút ngày 02/01/2019, vật chứng, các chứng cứ và tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào 06 lá ăn tiền. Khi công an vào bắt quả tang thu tiền dùng để đánh bạc của các con bạc là 15.330.000 đồng (gồm: 100.000 đồng thu tại chiếu bạc, 400.000 đồng của bị can T3 đang để trên chiếu bạc, của T là 4.600.000 đồng, của N là 6.000.000 đồng, của H4 là 1.600.000 đồng, của A là 1.700.000 đồng, của H6 là 750.000 đồng, của C là 180.000 đồng). Như vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng ở địa pH4. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, muốn có nhiều tiền tiêu xài mà không cần bỏ công sức ra lao động nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi đánh bạc.

[3] Đánh bạc là một trong những tệ nạn gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng. Người được bạc thì tiêu xài phung phí, nảy sinh các thói hư tật xấu, kẻ thua bạc thì tìm mọi cách có tiền để tiếp tục chơi bạc, việc cay cú ăn thua còn có thể dẫn đến ẩu đả lẫn nhau gây mất an ninh trật tự xã hội, đây chính là nguyên nhân sâu xa đưa đến một số loại tội phạm khác. Việc chơi bạc còn tạo cho con người có thói quen trông đợi vào sự rủi may trong cuộc sống, lười biếng lao động, không chú tâm làm ăn lương thiện, là nguyên nhân dẫn đến sự đổ vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình. Chính vì vậy, pháp luật Nhà nước ta nghiêm cấm việc đánh bạc. Những người có hành vi

vi phạm tùy tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo pháp luật. Các bị cáo nhận thức được điều này nhưng do tính tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười biếng lao động, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, góp phần tiếp tay cho tệ nạn cờ bạc phát triển nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi lượng mức hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Lý Thị Kim A khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Các bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Vĩ T3, Lê Thị ThA N, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải buộc các bị cáo nêu trên chấp hành hình phạt tù, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 và 2 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo này được hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Riêng bị cáo Nguyễn Thị ThA H4 không có nơi cư trú rõ ràng nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa C cho xã hội.

[7] Các bị cáo đánh bạc nhằm thu lợi bất chính nên cần buộc các bị cáo nộp phạt một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước được quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Lý Thị Kim A là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Phan Thị H6: Quá trình điều tra, xác minh cho thấy H6 đã đi khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra đối với H6, khi nào bắt được xử lý sau.

[9] Đối với Lại Thu N1 đã có hành vi bán bài cho Nguyễn ThA T dùng để đánh bạc trái phép: Hành vi này có dấu hiệu của tội phạm tuy nhiên do N1 là người cao tuổi (sinh năm 1951), bản thân mang nhiều bệnh, hành vi của N1 có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không đáng kể nên ngày 17/5/2019 Công an huyện Bình Chánh căn cứ khoản 2 điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị định 167/ NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ ra Quyết định xử phạt hành chính số 0038145 quyền số AC/0000763 với số tiền 1.500.000 đồng đối với N1, N1 cũng đã thực hiện việc nộp phạt số tiền trên vào Kho bạc vào ngày 21/5/2019.

[10] Về vật chứng vụ án:

[11] 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 12 (mười hai) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Số tiền 15.330.000 đồng (gồm: 500.000 đồng thu tại chiếu bạc, đã bao gồm cả 400.000 đồng của bị can T3; thu của T: 4.600.000 đồng; thu của N: 6.000.000 đồng; thu của H4: 1.600.000 đồng; thu của A: 1.700.000 đồng; thu của H6: 750.000 đồng; thu của C: 180.000 đồng), đây là vật chứng dùng để đánh bạc nên cần tịch thu và nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Đối với số tiền thu trong người các con bạc gồm T: 5.500.000 đồng, T3: 7.000.000 đồng, N: 30.000.000 đồng, H4: 2.800.000 đồng, A: 1.000.000 đồng. Qua điều tra có căn cứ xác định đây là tài sản của các bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả cho các bị cáo là có căn cứ.

[14] Đối với số tiền 1.606.000 đồng thu giữ của Phan Thị H6, đây là tài sản của H6, tuy nhiên quá trình điều tra H6 đã bỏ trốn và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã ra quyết định truy nã số 12 ngày 06/5/2019 đối với H6 nên giao vật chứng này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp tục quản lý, khi nào bắt được H6 sẽ xử lý sau.

[15] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội dA, và khung hình phạt đối với bị cáo cũng như xử lý vật chứng vụ án và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[17] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Nguyễn Thị ThA H4, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C** phạm tội “Đánh bạc”;

1. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn ThA T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn ThA T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Lý Vĩ T3;

Xử phạt bị cáo Lý Vĩ T3 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Lê Thị ThA N;

Xử phạt bị cáo Lê Thị ThA N 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị ThA H4;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị ThA H4 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2019.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Lý Thị Kim A;

Xử phạt bị cáo Lý Thị Kim A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Trương Thị Kim C;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Kim C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu và tiêu hủy : 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 12 (mười hai) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng (vật chứng này Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước số tiền 15.330.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng). (vật chứng này công an huyện Bình Chánh đang tạm giữ tại tào khoản số 3949.0.9060919.00000 tại Kho bạc nhà nước Bình Chánh theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 01/02/2019).

- Giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp tục quản lý số tiền 1.606.000 đồng (một triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn đồng). (vật chứng này công an huyện Bình Chánh đang tạm giữ tại tào khoản số 3949.0.9060919.00000 tại Kho bạc nhà nước Bình Chánh theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 17/5/2019)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Nguyễn ThA T, Lý Ví T3, Lê Thị ThA N, Lý Thị Kim A, Trương Thị Kim C).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Duy Linh